

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 106/NQ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018 và Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGĐ Công TTĐT,
các Vụ: TH, KTTH, PL, QHĐP, NN, V.I;
- Lưu: VT, CN (2b).





CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

Căn cứ chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (sau đây gọi tắt là Dự án) được Quốc hội khóa XV thông qua tại Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 172/2024/QH15), Chính phủ ban hành Nghị quyết về kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án.

b) Xác định rõ các nhiệm vụ để các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan để lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và triển khai thực hiện Dự án; làm cơ sở để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, tiến độ, chất lượng, quản lý chặt chẽ và sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Yêu cầu

a) Bám sát chủ trương đầu tư dự án được Quốc hội phê duyệt để tổ chức triển khai bảo đảm mục tiêu, quy mô xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam với tổng chiều dài khoảng 1.541 km, tốc độ thiết kế 350 km/h, tải trọng 22,5 tấn/trục; 23 ga hành khách, 05 ga hàng hóa; đầu tư phương tiện, thiết bị để vận chuyển hành khách, đáp ứng yêu cầu lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh, có thể vận tải hàng hóa khi cần thiết.

b) Cụ thể hóa các chính sách, giải pháp được Quốc hội thông qua bằng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành để có đầy đủ hành lang pháp lý, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai, huy động các nguồn lực thực hiện Dự án.

c) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, tiến độ thực hiện công việc của các bộ, ngành, địa phương.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam là dự án quan trọng quốc gia, có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ cao và hiện đại, tiến độ triển khai rất khẩn trương, lần đầu tiên thực hiện tại Việt Nam; Dự án được Quốc hội cho phép áp dụng nhiều cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để triển khai thực hiện. Để việc tổ chức thực hiện Dự án đáp ứng chất lượng, tiến độ yêu cầu, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật

Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền để triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt của Dự án được Quốc hội cho phép áp dụng tại Điều 3 Nghị quyết số 172/2024/QH15 được thực hiện như sau:

a) Xây dựng, ban hành các Nghị định của Chính phủ

(i) Nghị định¹ quy định về: nội dung, yêu cầu về khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED) thay thế cho thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và các bước thiết kế triển khai sau thiết kế FEED, lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của dự án áp dụng thiết kế FEED; hướng dẫn về nghĩa vụ, quyền hạn của các bên tham gia thực hiện hợp đồng theo hình thức hợp đồng EPC (chủ đầu tư, nhà thầu/tổng thầu EPC, tư vấn giám sát, ...; quy định² chi tiết, hướng dẫn về quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết vùng phụ cận ga đường sắt tốc độ cao.

(ii) Nghị định³ quy định về tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt.

(iii) Nghị định hướng dẫn thực hiện công tác phát triển khoa học, công nghệ⁴ đường sắt và quy định chi tiết về việc nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ⁵ đối với các dự án đường sắt.

(iv) Nghị định⁶ hướng dẫn việc tạm sử dụng rừng và hoàn trả rừng để thi công công trình tạm phục vụ các dự án đường sắt.

b) Xây dựng, ban hành Quyết định⁷ của Thủ tướng Chính phủ⁸ quy định về danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

¹ Hướng dẫn các chính sách đặc biệt, đặc thù tại khoản 13, khoản 15 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15.

² Hướng dẫn các chính sách đặc biệt, đặc thù tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15.

³ Hướng dẫn các chính sách đặc biệt, đặc thù tại điểm a khoản 8 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15.

⁴ Hướng dẫn các chính sách đặc biệt, đặc thù tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15.

⁵ Hướng dẫn các chính sách đặc biệt, đặc thù tại điểm a khoản 8 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15.

⁶ Hướng dẫn các chính sách đặc biệt, đặc thù tại điểm b khoản 14 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15.

⁷ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

⁸ Hướng dẫn các chính sách đặc biệt, đặc thù tại điểm b khoản 8 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15.

2. Phát triển công nghiệp đường sắt và đào tạo nguồn nhân lực

a) Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp đường sắt đến năm 2035, tầm nhìn 2045, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó xác định rõ thực trạng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đảm bảo phù hợp định hướng và lộ trình phát triển công nghiệp đường sắt đã trình Bộ Chính trị và xác định rõ các lĩnh vực công nghiệp đường sắt cần phát triển, lộ trình cụ thể đối với từng lĩnh vực như: xây dựng; phương tiện; vật tư, vật liệu chuyên ngành; điện động lực; hệ thống thông tin, tín hiệu; công nghiệp phụ trợ...

b) Xây dựng Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực đường sắt, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để triển khai công tác đào tạo theo kế hoạch. Nội dung Đề án phải xác định nhu cầu đào tạo của các chủ thể tham gia xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bao gồm: Cơ quan quản lý Nhà nước; Cơ quan, đơn vị quản lý dự án; Cơ quan, đơn vị thực hiện đầu tư, xây dựng; quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường sắt tốc độ cao và các chủ thể khác có nhu cầu đào tạo.

c) Kiện toàn Ban Quản lý dự án chuyên ngành để tổ chức quản lý, thực hiện Dự án.

d) Tái cơ cấu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để phối hợp và tham gia vào quá trình triển khai thực hiện Dự án ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, quá trình triển khai thực hiện và tiếp nhận, quản lý, khai thác, vận hành, bảo trì kết cấu hạ tầng sau khi Dự án hoàn thành.

3. Triển khai thực hiện Dự án

a) Bộ Xây dựng là cơ quan chủ quản, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan, tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Dự án và tổ chức triển khai đáp ứng tiến độ yêu cầu. Nhiệm vụ cụ thể của các bộ, ngành, địa phương và thời gian hoàn thành các công việc liên quan được thực hiện theo Phụ lục I của Nghị quyết này.

b) Tiến độ tổng thể dự kiến thực hiện các công việc của Dự án theo Phụ lục II của Nghị quyết này⁹, trong đó các mốc tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ, công việc chính như sau:

(i) Tổ chức lựa chọn các nhà thầu tư vấn để thực hiện công tác khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện các công việc liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo nghiên cứu khả thi trong tháng 8 năm 2026.

(ii) Hội đồng thẩm định Nhà nước thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án trong tháng 9 năm 2026.

(iii) Các địa phương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, di dời công trình đường điện bị ảnh hưởng bởi Dự án, cơ bản hoàn thành trước tháng 12 năm 2026 để bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công xây dựng.

⁹ Được lập trong điều kiện nếu được cấp có thẩm quyền cho phép chỉ định thầu

(iv) Tổ chức lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án, ký kết hợp đồng và đảm bảo các điều kiện để khởi công xây dựng trước ngày 31 tháng 12 năm 2026;

(v) Triển khai thi công xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị, cơ bản hoàn thành Dự án đưa vào khai thác, vận hành từ năm 2035 theo Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội.

4. Mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) tại các ga đường sắt tốc độ cao

a) Căn cứ phương án vị trí ga đường sắt tốc độ cao trên địa bàn, các địa phương chủ động phối hợp với Bộ Xây dựng khẩn trương rà soát, điều chỉnh quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (nếu cần) để triển khai dự án khai thác quỹ đất theo mô hình TOD.

b) Các địa phương tổ chức lập, phê duyệt dự án khai thác quỹ đất theo mô hình TOD tại các ga đường sắt tốc độ cao.

c) Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai dự án đầu tư công độc lập thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt để tạo quỹ đất đấu giá nhằm phát triển đô thị theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức đấu giá quỹ đất vùng phụ cận ga đường sắt để phát triển đô thị theo quy định của pháp luật để tạo nguồn ngân sách cho địa phương và Trung ương tái đầu tư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội, kế hoạch triển khai thực hiện Dự án của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao đáp ứng tiến độ yêu cầu.

2. Bộ Xây dựng tiếp tục tổ chức triển khai song song các công việc, nhiệm vụ, thủ tục, đồng thời nghiên cứu các giải pháp để rút ngắn tiến độ; trường hợp cần thiết, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách để rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục, đẩy nhanh tiến độ Dự án.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao; tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch triển khai Dự án của Chính phủ, định kỳ hằng Quý và hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Ban Chỉ đạo xây dựng, thực hiện Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam và các dự án đường sắt quan trọng quốc gia để có các biện pháp, giải pháp cần thiết bảo đảm quá trình thực hiện Dự án đồng bộ và có hiệu quả./.



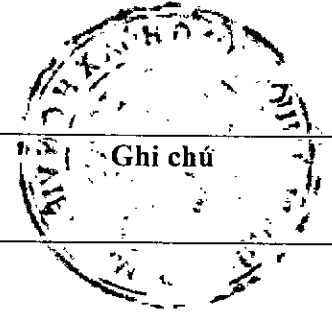
Phụ lục I

NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC - NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|----|---|-----------------|---|-------------------------|----------------------|--|
| I | Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật | | | | | |
| 1 | Quy định về: nội dung, yêu cầu về khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED) thay thế cho thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án và các bước thiết kế triển khai sau thiết kế FEED, lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của dự án áp dụng thiết kế FEED; hướng dẫn về nghĩa vụ, quyền hạn của các bên tham gia thực hiện hợp đồng theo hình thức hợp đồng EPC (chủ đầu tư, nhà thầu/tổng thầu EPC, tư vấn giám sát, ...; quy định chi tiết, hướng dẫn về quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết vùng phụ cận ga đường sắt tốc độ cao. | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành có liên quan | Nghị định của Chính phủ | 30/4/2025 | Áp dụng cho các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt (Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; các dự án đường sắt đô thị;...) |
| 2 | Quy định về tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành có liên quan | Nghị định của Chính phủ | 30/6/2025 | Áp dụng cho các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt |
| 3 | Hướng dẫn thực hiện công tác phát triển khoa học, công nghệ đường sắt và quy định chi tiết về việc nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ đối với các dự án đường sắt | Bộ KH&CN | Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan | Nghị định của Chính phủ | 30/6/2025 | Áp dụng cho các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt |
| 4 | Hướng dẫn việc tạm sử dụng rừng và hoàn trả rừng để thi công công trình tạm phục vụ các dự án đường sắt. | Bộ NN&MT | Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan | Nghị định của Chính phủ | 30/6/2025 | Áp dụng cho các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------|---|---|----------------------|---------|
| 5 | Quy định về danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 30/6/2025 | |
| II | Phát triển công nghiệp đường sắt và đào tạo nguồn nhân lực | | | | | |
| 1 | Đề án phát triển công nghiệp đường sắt: Rà soát, đánh giá thực trạng công nghiệp đường sắt và công nghiệp phụ trợ (từ thiết kế chế tạo đến xây dựng công trình; sản xuất phương tiện, thiết bị; hệ thống thông tin tín hiệu, hệ thống cấp điện động lực; sản xuất các vật tư, thiết bị chuyên ngành về đường sắt và các ngành công nghiệp phụ trợ khác), nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế để xây dựng Đề án phát triển công nghiệp đường sắt đến năm 2035, tầm nhìn 2045, trong đó: xác định rõ danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng; tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đảm bảo phù hợp định hướng phát triển công nghiệp đường sắt. | Bộ Công Thương | Bộ Xây dựng, Bộ KH&CN và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan | Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển công nghiệp đường sắt | 30/6/2025 | |
| 2 | Đề án phát triển nguồn nhân lực: Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực tổ chức quản lý, thực hiện đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác và bảo trì đường sắt tốc độ cao (bao gồm: số lượng, chuyên ngành đào tạo, trình độ đào tạo, lộ trình, thời gian đào tạo, nguồn lực thực hiện ...) để xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. | Bộ Xây dựng | Bộ GD&ĐT và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan | Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực | 30/6/2025 | |



| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|------------|--|-----------------|---|---|---------------------------------|---|
| 3 | Kiên toàn các Ban Quản lý dự án chuyên ngành để tổ chức quản lý, thực hiện Dự án | Bộ Xây dựng | Các Ban Quản lý dự án liên quan | Quyết định điều chỉnh, bổ sung nhân sự, cơ cấu tổ chức Ban QLDA | 30/5/2025 | |
| 4 | Tái cơ cấu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để phối hợp và tham gia vào quá trình triển khai thực hiện Dự án ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, quá trình triển khai thực hiện và tiếp nhận, quản lý, khai thác, vận hành, bảo trì kết cấu hạ tầng sau khi Dự án hoàn thành | Bộ Tài chính | Bộ Xây dựng, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan | Quyết định điều chỉnh, bổ sung nhân sự, cơ cấu tổ chức cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | 30/6/2025 | |
| III | Tổ chức triển khai thực hiện | | | | | |
| 1 | Rà soát, bàn giao hồ sơ thiết kế sơ bộ, hồ sơ ranh giới giải phóng mặt bằng theo thiết kế sơ bộ để các địa phương chủ động dự kiến nhu cầu và triển khai xây dựng các khu tái định cư phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án | Bộ Xây dựng | Các địa phương có Dự án đi qua | Biên bản bàn giao hồ sơ giữa Ban Quản lý dự án và đại diện các địa phương | | Đã bàn giao trong tháng 3 năm 2025 |
| 2 | Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đường sắt tốc độ cao | Bộ Xây dựng | Bộ KH&CN và các Bộ, ngành có liên quan | Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được phê duyệt trong quyết định phê duyệt dự án hoặc bằng văn bản riêng | Trước thời điểm phê duyệt dự án | Trong quá trình thực hiện dự án, danh mục tiêu chuẩn có thể được xem xét thay đổi, bổ sung theo đề nghị của Chủ đầu tư. |
| 3 | Tổ chức lựa chọn các nhà thầu vấn đề tổ chức khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện các công việc liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo nghiên cứu khả thi | Bộ Xây dựng | Bộ Tài chính, Hội đồng thẩm định nhà nước và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan | Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi | Tháng 8/2026 | |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|----|--|---|---|---|--------------------------------|--|
| 4 | Tổ chức lập, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, xác định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên | Bộ Xây dựng | Bộ NN&MT, các địa phương có liên quan | Hồ sơ, tài liệu liên quan | Tháng 9/2026 | |
| 5 | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước để thẩm định song song, đồng thời trong quá trình lập, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi | Bộ Tài chính | Bộ Xây dựng và các bộ ngành có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Tháng 9/2025 | |
| 6 | Tổ chức lựa chọn Tư vấn thẩm tra (để thẩm tra song song, đồng thời trong quá trình lập, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi) | Bộ Tài chính, Hội đồng thẩm định nhà nước | Bộ Xây dựng và các bộ ngành có liên quan | Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Tư vấn thẩm tra | Tháng 9/2025 | |
| 7 | Hội đồng thẩm định Nhà nước thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi | Hội đồng thẩm định nhà nước | Các Bộ, ngành có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Tháng 9/2026 | |
| 8 | Tổ chức lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án | Chủ đầu tư | Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan | Các quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng | Tháng 11/2026 | |
| 9 | Tổ thẩm định để thẩm định Hồ sơ mời thầu / Hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 17 Điều 3 Nghị quyết số 172/2024/QH15 | Chủ đầu tư và đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước | Cơ quan tham mưu thuộc Bộ Xây dựng | Báo cáo thẩm định | Theo tiến độ lựa chọn nhà thầu | |
| 10 | Các địa phương thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | UBND các tỉnh có Dự án đi qua | Bộ NN&MT và các Bộ, ngành có liên quan | Quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án | Tháng 12/2026 | Bao gồm việc di dời công trình có điện áp dưới 110kV |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|----|--|----------------------------------|--|---|--------------------------|--|
| 11 | Tổ chức thực hiện tiểu dự án hoặc các tiểu dự án đối với công tác di dời công trình điện có điện áp từ 110 kV trở lên | Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Bộ Công Thương và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan | | Tháng 12/2026 | |
| 12 | Khởi công xây dựng | Bộ Xây dựng | Các địa phương | | Tháng 12/2026 | |
| 13 | Triển khai thi công xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị; cơ bản hoàn thành Dự án đưa vào khai thác, vận hành | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành có liên quan | Xây dựng được tuyến đường sắt tốc độ cao theo thiết kế; mua sắm được các đoàn tàu phục vụ khai thác, vận hành | Năm 2035 | |
| 14 | Tham mưu bố trí nguồn vốn hàng năm để phát triển khoa học, công nghệ trong lĩnh vực đường sắt | Bộ Tài chính | Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan | Báo cáo | Hàng năm | |
| 15 | Nghiên cứu phương án huy động vốn đầu tư để thực hiện Dự án, trong đó cần xác định rõ nhu cầu vốn, kế hoạch vốn, các loại nguồn vốn (ngân sách nhà nước, Trái phiếu Chính phủ, ODA, nguồn thu từ đất đai, xã hội hóa ...) để có phương án, bố trí kế hoạch vốn phù hợp | Bộ Tài chính | Bộ Xây dựng | Báo cáo, phương án huy động, bố trí vốn thực hiện Dự án | Hàng năm | Bộ Xây dựng xác định rõ nhu cầu vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương, cơ cấu nguồn vốn đầu tư (trong nước, ngoài nước). |
| 16 | Rà soát quy hoạch điện bảo đảm nhu cầu sử dụng điện cho Dự án | Bộ Công Thương và các địa phương | Bộ Xây dựng | Bổ sung quy hoạch điện quốc gia | Từ năm 2026 đến năm 2032 | Theo tiến độ đầu tư xây dựng Dự án |
| 17 | Chương trình khoa học và công nghệ đặc biệt cấp Quốc gia phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt | Bộ KH&CN | Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương | Kế hoạch, Chương trình hành động | Tháng 12/2025 | |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|------------------------|---|--------------------------|-----------------------------------|
| IV | Phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) | | | | | |
| 1 | Rà soát, điều chỉnh quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (nếu cần) để triển khai dự án khai thác quỹ đất theo mô hình TOD | Các địa phương | Bộ Xây dựng, Bộ NN&MT | Các Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch | Đến tháng 12/2026 | Theo kế hoạch của từng địa phương |
| 2 | Lập, phê duyệt dự án khai thác quỹ đất theo mô hình TOD tại các ga đường sắt tốc độ cao | Các địa phương | Bộ NN&MT | Quyết định phê duyệt dự án | | |
| 3 | Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai dự án đầu tư công độc lập thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt để tạo quỹ đất | Các địa phương | Bộ NN&MT, Bộ Tài chính | GPMB, xây dựng hạ tầng vùng phụ cận | Từ năm 2026 đến năm 2032 | Theo kế hoạch của từng địa phương |
| 4 | Tổ chức đấu giá quỹ đất vùng phụ cận ga đường sắt để phát triển đô thị theo quy định của pháp luật | Các địa phương | Bộ Tài chính, Bộ NN&MT | Tạo nguồn thu tài chính từ cho ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương | Từ năm 2026 đến năm 2032 | Theo kế hoạch của từng địa phương |



Phụ lục II

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC - NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

| TT | Tên công việc | Thời gian thực hiện | |
|------------|---|---------------------|---------|
| | | Từ | Đến |
| I | Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi | | |
| 1 | Tư vấn quản lý dự án bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (*) | 4/2025 | 9/2026 |
| 2 | Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và lập Hồ sơ mời thầu các gói thầu giai đoạn thực hiện dự án; thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (*) | 9/2025 | 9/2026 |
| 3 | Tư vấn giám sát khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (**) | 9/2025 | 6/2026 |
| 4 | Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi (*) | 9/2025 | 9/2026 |
| 5 | Tư vấn hỗ trợ pháp lý (**) | 9/2025 | 12/2026 |
| 6 | Tư vấn lập ĐTM (**) | 9/2025 | 8/2026 |
| 7 | Tư vấn lập hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên (**) | 9/2025 | 8/2026 |
| 8 | Cấm cọc giải phóng mặt bằng | 02/2026 | 12/2026 |
| 9 | Công tác rà phá bom mìn, vật nổ | 02/2026 | 12/2026 |
| II | Triển khai công tác giải phóng mặt bằng | | |
| 1 | Bàn giao Hồ sơ sơ bộ ranh giới giải phóng mặt bằng, rà soát khối lượng tái định cư của Dự án trên cơ sở hồ sơ thiết kế sơ bộ trong Báo cáo nghiên cứu khả thi | 02/2025 | 3/2025 |
| 2 | Triển khai xây dựng khu tái định cư | 3/2025 | 12/2026 |
| 3 | Bàn giao cọc giải phóng mặt bằng | 3/2026 | 12/2026 |
| 4 | Triển khai công tác kiểm đếm, lên phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | 3/2026 | 12/2026 |
| 5 | Thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư | 6/2026 | 6/2028 |
| III | Giai đoạn thực hiện dự án | | |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu các gói thầu | 9/2026 | 10/2026 |
| 2 | Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu | 9/2026 | 9/2026 |
| 3 | Lựa chọn nhà thầu, khởi công (**) | 10/2026 | 12/2026 |

Ghi chú: Tiến độ triển khai các gói thầu như trên được thực hiện trong điều kiện nếu được cấp có thẩm quyền cho phép chỉ định thầu.

(*) Đấu thầu quốc tế theo hình thức chỉ định thầu.

(**) Đấu thầu trong nước, quốc tế theo hình thức chỉ định thầu.